

Số: 548/2018/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 05 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ: 46 đường B, tổ dân phố T, phường H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Trương C, sinh năm: 1971; địa chỉ: Khu tái định cư H, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị H và anh C xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 13/3/2002, hiện đang ở với chị H.

Hai bên thoả thuận giao cháu L cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không cấp dưỡng nuôi con cho chị Hồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

2.4. Về án phí tranh chấp Hôn nhân gia đình: Gồm 150.000 đồng (300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng). Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai số **005027** ngày **14** tháng **6** năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho chị Hồng 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP Huế
- (ĐKKH số 52 ngày 01/8/1995);**
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế